TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 79/2023/DS-PT Ngày: 27 - 02 - 2023 V/v Tranh chấp quyền sở hữu tài sản, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán: Ông Vũ Đức Toàn

Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc *"Tranh chấp quyền sở hữu tài sản, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh LA bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1686/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1/. Bà Trương Trần Thúy D, sinh năm 1970 (vắng mặt)

2/. Ông Trần Trọng N, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: 468/9/3/1 Ô3, khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA.

3/. Bà Trần Cẩm V, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: 4005-1 Nishioguma, Oguma-cho, Hashima-shi, Gifu-Ken, Japan.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D, ông N, bà V: Ông Nguyễn Anh T1, sinh năm 1972. Nơi cư trú: 481A Nguyễn Đình Chiểu, Phường 1, thành phố TA, tỉnh LA (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1949; Nơi cư trú: ấp Bàu Trai Thượng, xã TP, huyện ĐH, tỉnh LA (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Phạm H và Nguyễn Thành T2 (Văn bản ủy quyền ngày 18/3/2016 và ngày 18/11/2022; có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: có Luật sư Nguyễn Bảo Sơn, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà Trương Thị C, sinh năm 1936; Nơi cư trú: Ô3, khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA (vắng mặt).

2/. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Ô3, khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Ông Nguyễn Anh L, sinh năm 1972; Địa chỉ: 481A Nguyễn Đình Chiểu, Phường 1, thành phố TA, tỉnh LA.

3/. Bà Trần Thị Bạch B, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Ô4, khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA (vắng mặt).

4/. Ông Trần Tấn A, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Ô3, khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA (vắng mặt)

5/. Bà Trần Thị Huỳnh C, sinh năm 1994; Nơi cư trú: ấp Bàu Trai Hạ, xã TP, huyện ĐH, tỉnh LA (vắng mặt).

6/. Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1947; Nơi cư trú: Ô4, khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA.

Người đại diện theo ủy quyền của bà E: Ông Phạm H, sinh năm 1959 (theo văn bản ủy quyền ngày 18/3/2016, có mặt).

7/. Bà Trần Hà Mai K, sinh năm 1992; Nơi cư trú: số 58/18 đường số 4, khu phố 3, phường Tân Phú, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

8/. Ông Nguyễn Thanh G, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Ô3, khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA (vắng mặt).

9/. Ông Nguyễn Thành M, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Ô4, khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA (vắng mặt).

10/. Ông Huỳnh Văn U, sinh năm 1960; Nơi cư trú: ấp Sò Đo, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA (vắng mặt).

11/. Ủy ban nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA; Địa chỉ: Ô7, khu B, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA (vắng mặt)

12/. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện ĐH (Nay là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện ĐH; có văn bản xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2015 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn bà Trương Trần Thúy D, anh Trần Trọng N, chị Trần Cẩm V là ông Nguyễn Anh L trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Phần đất có diện tích 4.391m^2, thuộc thửa số 530, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp Sò Đo, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA là của cụ Trần Văn Khì khai vỡ. Sau đó cụ Khì chia cho các con mỗi người một phần, trong đó cụ Trần Văn Chà được cho thửa đất số 530 và một số thửa đất khác. Riêng ông Trần Văn Cồng là con Út (anh em với cụ Chà) về quê vợ sống, gia đình không cho đất nên vợ chồng ông Cồng và bà S tự tạo lập tài sản riêng.

Năm 1949, cụ Chà chết để lại đất cho ông Trần Văn Đằng quản lý sử dụng thửa đất số 530 từ trước chiến tranh, đến năm 1960 thì gia đình chuyển vào thị trấn HN sống nhưng vẫn tới lui quản lý và chăm sóc đất, sau đó cho những người trong dòng họ canh tác trồng hoa màu, sau đó thì dòng họ trả đất lại. Năm 1990, ông Đằng được Ủy ban nhân dân huyện ĐH cấp giấy bìa trắng đối với phần đất này. Năm 1994 ông Đằng có xây ngôi miếu để thờ cúng, hàng năm có tu sửa miếu và có trồng cây mai chấn thủy, có chặt cây dầu bán để xây phần miếu, hàng năm còn trồng các cây mai để bán. Năm 2000 khi Nhà nước có chủ trương cấp đổi bìa trắng sang bìa đỏ nên ông Đằng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 530. Năm 2009 ông Đằng chết nên các đồng thừa kế thỏa thuận phân chia thửa đất này cho ông Trần Thanh R (chồng của bà Trương Trần Thúy D) và ông R được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2010. Năm 2013, ông R chết những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông R gồm có: bà Trương Trần Thúy D, anh Trần Trọng N, chị Trần Cẩm V.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn ông Nguyễn Anh L xác định không có việc ông Nguyễn Thanh Hơn, ông Huỳnh Văn U (là con của ông Trần Văn Sắt) canh tác trên phần đất này, khi ông U trồng bắp trên đất của ông U, thì có lấn qua đất của ông R một phần nhưng các bên không có tranh chấp vì khi Nhà nước kê biên đền bù mới phát hiện. Năm 2012, khi dự án kênh Phước Hòa đi qua đất mới phát hiện bà S cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất 530 nên phát sinh tranh chấp. Việc Nhà nước ra quyết định bồi thường một phần thửa đất số 530 cho bà S với số tiền 292.039.800đồng là không đúng đối tượng vì đây là đất của ông R. Bà S chết năm 2008, ông H con ruột nên thừa kế số tiền 292.039.800đồng, vì vậy các nguyên đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 8826/QĐ-UBND ngày 06/11/2012 về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản cho bà Mai Thị S. Yêu cầu bồi thường cho ông Trần Thanh R, là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 530, giao số tiền 292.039.800đồng cho các nguyên đơn.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 443596 ngày 13/4/2006 của bà Mai Thị S đối với thửa đất 530, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp Sò Đo, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA.

Đối với yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 6635/QĐ-UBND ngày

05/11/2012 của UBND huyện ĐH về việc thu hồi một phần thửa đất số 530 của bà Mai Thị S và yêu cầu công nhận phần đất còn lại của thửa số 530 cho ông R thì các nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện này.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 530 của ông Trần Văn Đằng và của ông Trần Thanh R thì các nguyên đơn không đồng ý. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đằng và ông R là phù hợp quy định pháp luật.

Về tiền bồi thường hoa màu trên đất là 3.036.000đồng, các nguyên đơn đồng ý trích số tiền bồi thường hoa màu hoàn lại cho ông Huỳnh Văn U.

Đối với kết luận giám định số 1061/2020/KLGĐ ngày 19/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh LA thì các nguyên đơn đồng ý không có ý kiến gì, không có cung cấp thêm tài liệu nào mới có liên quan đến việc giám định, không yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định lại đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mẫu bìa trắng của bà Mai Thị S được cấp năm 1991. Nguyên đơn thống nhất sử dụng kết luận giám định này để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Nguyên đơn thống nhất sử dụng Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 649-2017 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 15/9/2017 và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 26/10/2017 để làm căn cứ giải quyết vụ án, không yêu cầu đo đạc lại, không yêu cầu định giá đất tranh chấp.

Bị đơn người đại diện là ông Phạm H trình bày:

Về nguồn gốc phần đất tranh chấp: Cụ Trần Văn Khì có 08 người con gồm: ông Trần Văn Chà (cha của ông Đằng), bà Trần Thị Thiếp, ông Trần Văn Cây, ông Trần Văn Quỳnh, bà Trần Thị Dát, ông Trần Văn Lợi, ông Trần Văn Chắc và ông Trần Văn Cồng. Cụ Khì chết không để lại di chúc. Cha mẹ ông Cồng giao lại cho ông Cồng và bà Mai Thị S (mẹ của ông Nguyễn Văn H) quản lý, giữ gìn quyền sử dụng đất khoảng 21.291m^2 (không đo đạc) tọa lạc tại ấp Sò Đo, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA. Sau đó ông Cồng chủ động chia phần đất này cho các anh chị em mỗi người 01 phần đất gồm: ông Chà diện tích 2.300m^2, bà Thiếp diện tích 2.400m^2, ông Cây diện tích 2.400m^2, ông Quỳnh diện tích 2.500m^2, bà Dát diện tích 2.000m^2, ông Lợi diện tích 2.800m^2, ông Chắc diện tích 2.500m^2. Khi ông Cồng chia đất chỉ nói miệng, không có lập giấy tờ.

Sau khi chia cho các anh chị em xong, ông Cồng và bà S còn giữ lại phần diện tích đất khoảng 4.600m^2. Bà S tiếp tục mua thêm phần đất của ông Lợi diện tích khoảng 2.800m^2 (không có đo đạc). Đến năm 1990 khi Nhà nước có chủ trương đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà S đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mẫu bìa trắng với diện tích 7.705m^2, thời điểm này đi đăng ký kê khai hàng loạt nên không có xác minh, đo đạc. Năm 1982 ông Cồng bệnh chết, bà S tiếp tục quản lý sử dụng phần đất này để trồng lúa và trồng hoa màu.

Đối với phần diện tích đất theo giấy bìa trắng được cấp cho bà S năm 1991 có diện tích là 7.705m^2 bao gồm 03 thửa đất là 988, 961 và 962. Đến năm 2006 thì bà S chuyển nhượng cho cháu là ông Huỳnh Văn U một phần đất có diện tích là 2.814m^{2,} thuộc thửa 565, tờ bản đồ số 2 đất tọa lạc tại ấp Sò Đo, thị trấn HN, huyện ĐH, khi chuyển nhượng đất có đo đạc và ông U được Ủy ban nhân dân huyện ĐH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 13/4/2006. Cùng thời gian này bà S đi đăng ký kê khai và cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu bìa đỏ đối với phần diện tích đất còn lại là 4.391m^2 thuộc thửa 530, tờ bản đồ số 2 đất tọa lạc tại ấp Sò Đo, thị trấn HN, huyện ĐH. Năm 2008 bà S chết giao lại cho ông Nguyễn Văn H quản lý, giữ gìn để giao lại cho cháu nội bà S là Trần Hà Mai K, con của ông Trần Vinh Thư (đã chết) là con chung của ông Cồng, bà S.

Quá trình sử dụng đất không ai tranh chấp. Đến năm 2012 dự án kênh nổi Phước Hòa đi ngang qua diện tích đất nói trên khi có quyết định áp giá đền bù thì phát hiện phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Thanh R (ông R được thừa kế từ cha là ông Trần Văn Đằng). Việc xây ngôi miếu trên đất, khi xây dựng ông Đằng có hỏi bà S cho xây ở giữa thửa đất nhưng bà S không đồng ý, chỉ đồng ý cho xây ở một bên của thửa đất theo hiện trạng hiện nay. Còn cây mai chấn thủy là do mọc tự nhiên, không ai trồng.

Nay bị đơn có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

- Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất R 779073 do Ủy ban huyện ĐH cấp cho ông Trần Văn Đằng ngày 07/9/2000 đối với thửa 530, tờ bản đồ số 2, thị trấn HN.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 062846 ngày 25/3/2010 do Ủy ban nhân dân huyện ĐH cấp cho ông Trần Thanh R đối với thửa 530, tờ bản đồ số 2, thị trấn HN.

- Không đồng ý yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ số AE 443596 do UBND huyện ĐH cấp cho bà Mai Thị S ngày 13/4/2006.

Về số tiền đền bù thu hồi một phần thửa đất số 530, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại thị trấn HN là 292.039.800đồng, thì ông H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì số tiền này bà S được nhận là phù hợp. Về tiền bồi thường hoa màu trên đất, ông H đồng ý trích số tiền bồi thường hoa màu hoàn lại cho ông U 3.036.000đồng.

Hiện tại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Mai Thị S do ông H đang giữ, không có cầm cố thế chấp cho cơ quan hay tổ chức nào khác.

Ông H thống nhất sử dụng Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 649-2017 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 15/9/2017 và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 26/10/2017 để làm căn cứ giải quyết vụ án, không yêu cầu đo đạc lại, không yêu cầu định giá đất tranh chấp. Thống nhất sử dụng kết luận giám định số 1061/2020/KLGĐ ngày 19/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh LA để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan có ý kiến trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị E do ông Phạm H đại diện trình bày: Bà E là chị ruột của ông Nguyễn Văn H, bà E và ông H là con ruột của bà Mai Thị S còn ông Trần Văn Cồng là cha dượng của bà E, ông H nuôi dưỡng bà E, ông H từ nhỏ cho đến lớn. Bà E không tranh chấp gì trong vụ án này, xác định phần đất thửa số 530 cấp cho bà S là phù hợp pháp luật và thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông H. Thống nhất để ông H được nhận tiền đền bù, bồi thường 292.039.800đồng và đồng ý trích số tiền bồi thường chi phí hoa màu trên đất là 3.036.000đồng, để hoàn lại cho ông Huỳnh Văn U.

Ông Huỳnh Văn U trình bày: Ông U là cháu của bà S, ông là người trực tiếp thuê phần đất này để canh tác từ năm 1998 đến khi xảy ra tranh chấp, ông trồng hoa màu trên đất này. Về nguồn gốc phần đất này thì ông nghe kể lại là của ông Cồng và bà S được ông bà cho. Đến năm 2003, ông U gặp bà S và xin chuyển nhượng một phần đất để canh tác, bà S đồng ý và ông nhận chuyển nhượng một phần đất của bà S với giá 03 lượng vàng 24k, đến năm 2006 ông mới giao đủ số tiền và làm hợp đồng chuyển nhượng phần đất có diện tích là 2.814m^2, thuộc thửa đất số 565, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp Sò Đo, thị trấn HN, huyện ĐH, khi chuyển nhượng đất có đo đạc thực tế và ông U được Ủy ban nhân dân huyện ĐH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 13/4/2006. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn ông U không có ý kiến. Ông đồng ý số tiền bồi thường hoa màu trên đất là 3.036.000đồng của các nguyên đơn.

Chị Trần Hà Mai K trình bày: Chị là con ông Trần Vinh Thư đã chết, về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng chị thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông H, bà E. Phần đất này là phần thừa kế của cha chị, bà nội chị (bà S) tạm giao cho ông H gìn giữ cho chị sau này. Chị xác định không tranh chấp trong vụ án này, và có đơn yêu cầu vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên làm việc, phiên tòa tại Tòa án nhân dân tỉnh LA và Tòa án nhân dân các cấp.

Bà Trương Thị C Bà Trần Thị Bạch B, Anh Trần Tấn A, chị Trần Thị Huỳnh C trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, và có đơn yêu cầu vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên làm việc, phiên tòa tại Tòa án nhân dân tỉnh LA và Tòa án nhân dân các cấp.

Ông Nguyễn Thanh G trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Phạm H, không có bổ sung ý kiến gì thêm, và có đơn yêu cầu vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên làm việc, phiên tòa tại Tòa án nhân dân tỉnh LA và Tòa án nhân dân các cấp.

Ông Nguyễn Thành M trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Phạm H, không có bổ sung ý kiến gì thêm, và có đơn yêu cầu vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên làm việc, phiên tòa tại Tòa án nhân dân tỉnh LA và Tòa án nhân dân các cấp.

Ủy ban nhân dân huyện ĐH trình bày: Đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn Đăng: Ngày 07/9/2000 ông Đăng được

UBND huyện ĐH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu trung ương đối với thửa đất 530, tờ bản đồ số 2, tại thị trấn HN là thực hiện theo thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận mẫu tỉnh (bìa trắng) đổi sang mẫu trung ương (bìa đỏ). Bởi vì năm 1990 UBND huyện ĐH đã cấp bìa trắng cho ông Đằng. Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ về việc cấp giấy cho ông Đằng năm 2000 đã bị thất lạc, không còn lưu giữ nên không xác định được trình tự, thủ tục cấp giấy và thửa 530 có được cấp giấy trắng cho ai hay không, cũng như các vấn đề khác có liên quan. Theo Quyết định số 300/QĐ.UB ngày 31/8/1990 của UBND huyện ĐH về việc cấp giấy cho tổ chức và 727 hộ dân (trong đó có ông Đằng) được thực hiện theo trình tự, thủ tục cấp giấy lần đầu. Hồ sơ không thể hiện ông Đằng được cấp giấy trắng thửa đất nào, chỉ thể hiện họ tên chủ sử dụng đất.

Đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mai Thị S: Thủ tục cấp giấy cho bà S ngày 13/4/2006 không tổ chức đo đạc thực tế, số liệu chỉ dựa vào trích lục bản đồ địa chính được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐH phê duyệt ngày 27/3/2006. Việc UBND huyện ĐH cấp giấy cho bà S ngày 13/4/2006 với diện tích 4.391m^2, thửa đất số 530, tờ bản đồ số 2, thị trấn HN là căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-UB ngày 13/4//2006 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 20 chủ sử dụng đất tại thị trấn HN, trong đó có hộ bà S.

Về việc thu hồi đất và bồi thường UBND thực hiện theo quy định pháp luật, hiện Trung tâm Phát triển Quỹ đất đang quản lý số tiền này và sẽ thực hiện theo quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật. Đại diện Ủy ban nhân dân huyện ĐH xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện ĐH trình bày: Thực hiện Quyết định số 8826/QĐ-UBND ngày 06/11/2012 của UBND huyện ĐH về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản đối với bà Mai Thị S với số tiền bồi thường là 292.039.800đồng. Do phát sinh tranh chấp nên Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện ĐH chưa chi số tiền này cho bà S, chờ cấp có thẩm quyền giải quyết thuộc về ai thì sẽ chi tiền cho người đó. Đại diện Chi nhánh Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện ĐH xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân các cấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 66/2017/DS-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh LA quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 Luật đất đai năm 1993, Điều 49, Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 166, Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Trần Thúy D, chị Trần Cẩm V, anh Trần Trọng N đối với ông Nguyễn Văn H.

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 443596 ngày 13/4/2006 của Ủy ban nhân dân huyện ĐH cấp cho bà Mai Thị S đối với diện

tích đất còn lại của thửa đất 530 (sau khi trừ diện tích 1.301m^2 đã bị thu hồi theo Quyết định số 6635/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 của UBND huyện ĐH về việc thu hồi một phần thửa 530 của bà Mai Thị S), tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp Sò Đo, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện ĐH thu hồi một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 062848 ngày 25/3/2010 của Ủy ban nhân dân huyện ĐH cấp cho ông Trần Thanh R với diện tích 1.301m^2 đã bị thu hồi (theo Quyết định số 6635/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 của UBND huyện ĐH về việc thu hồi đất đối với bà Mai Thị S) tại một phần thửa đất số 530, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp Sò Đo, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA.

Những người thừa kế của ông Trần Thanh R gồm bà Trương Trần Thúy D, chị Trần Cẩm V, anh Trần Trọng N có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được quyền tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại 3.090m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (diện tích đo đạc thực tế là 2.428,3m^2 Theo Trích đo bản đồ địa chính số 649-2017 của công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 15/9/2017 và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 26/10/2017).

Hủy Quyết định số 8826/QĐ-UBND ngày 06/11/2012 của Ủy ban nhân dân huyện ĐH về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản cho bà Mai Thị S.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện ĐH ra quyết định bồi thường cho những người thừa kế của ông Trần Thanh R gồm bà Trương Trần Thúy D, chị Trần Cẩm V, anh Trần Trọng N với số tiền 292.039.800đồng.

Bà Trương Trần Thúy D, chị Trần Cẩm V, anh Trần Trọng N có quyền liên hệ Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện ĐH và các cơ quan liên quan để nhận số tiền bồi thường 292.039.800đồng và khoản tiền lãi phát sinh (nếu có).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Trần Thúy D, chị Trần Cẩm V, anh Trần Trọng N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 6635/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 của Ủy ban nhân dân huyện ĐH về việc thu hồi một phần thửa đất 530 của bà Mai Thị S.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Trần Thúy D, chị Trần Cẩm V, anh Trần Trọng N yêu cầu công nhận cho bà D, anh N, chị V phần đất còn lại sau khi bị thu hồi của thửa 530.

Ngày 08/01/2018, bị đơn ông Nguyễn Văn H làm đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 66/2017/DS-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh LA.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 614/2019/DS-PT ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2017/DS-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh LA và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh LA giải quyết lại theo thủ tục

chung.

Ngày 17/02/2020 Tòa án nhân dân tỉnh LA đã thụ lý lại vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh LA đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 236 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 2 Luật đất đai năm 1993, Điều 49, Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 166, Điều 170 Luật đất đai năm 2013. Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Trần Thúy D, chị Trần Cẩm V, anh Trần Trọng N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 6635/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 của Ủy ban nhân dân huyện ĐH về việc thu hồi một phần thửa đất số 530 của bà Mai Thị S.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Trần Thúy D, chị Trần Cẩm V, anh Trần Trọng N yêu cầu công nhận cho bà D, anh N, chị V phần đất còn lại sau khi bị thu hồi của thửa 530.

2/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Trần Thúy D, chị Trần Cẩm V, anh Trần Trọng N đối với ông Nguyễn Văn H.

2.1/. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 443596 ngày 13/4/2006 của Ủy ban nhân dân huyện ĐH cấp cho bà Mai Thị S đối với diện tích đất còn lại của thửa đất 530 (sau khi trừ diện tích 1.301m^2 đã bị thu hồi theo Quyết định số 6635/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 của UBND huyện ĐH về việc thu hồi một phần thửa đất số 530 của bà Mai Thị S), tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp Sò Đo, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA.

2.2/. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện ĐH thu hồi một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 062848 ngày 25/3/2010 của Ủy ban nhân dân huyện ĐH cấp cho ông Trần Thanh R với diện tích 1.301m^2 đã bị thu hồi (theo Quyết định số 6635/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 của UBND huyện ĐH về việc thu hồi đất đối với bà Mai Thị S) tại một phần thửa 530, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp Sò Đo, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA.

2.3/. Những người thừa kế của ông Trần Thanh R gồm bà Trương Trần Thúy D, chị Trần Cẩm V, anh Trần Trọng N có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được quyền tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại 3.090m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (diện tích đo đạc thực tế là 2.428,3m^2 Theo Mảnh Trích đo bản đồ địa chính số 649-2017 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 15/9/2017 và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 26/10/2017).

2.4/. Hủy Quyết định số 8826/QĐ-UBND ngày 06/11/2012 của Ủy ban nhân dân huyện ĐH về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản cho bà Mai Thị S.

2.5/. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện ĐH ra quyết định bồi thường cho những người thừa kế của ông Trần Thanh R gồm bà Trương Trần Thúy D, chị Trần Cẩm V, anh Trần Trọng N với số tiền 292.039.800đồng (hai trăm chín mươi hai triệu, không trăm ba mươi chín ngàn tám trăm đồng).

2.6/. Bà Trương Trần Thúy D, chị Trần Cẩm V, anh Trần Trọng N có quyền liên hệ Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện ĐH và các cơ quan liên quan để nhận số tiền bồi thường 292.039.800đồng (hai trăm chín mươi hai triệu, không trăm ba mươi chín ngàn, tám trăm đồng) và khoản tiền lãi phát sinh (nếu có).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/4/2022, ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Cho rằng án sơ thẩm không sử dụng chứng cứ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa trắng đã cấp cho bà S, các quyết định thu hồi đất, đền bù đất mà lại sử dụng lời khai, không có gì chứng minh của phía nguyên đơn để bác yêu cầu phản tố của bị đơn là không đúng. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Luật sư của bị đơn cũng đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Thấy rằng các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần; Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

Đối với Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện ĐH hiện nay đã có quyết định chuyển đổi và xáp nhập thành Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện ĐH, nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại tên gọi cho đúng.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, thấy rằng:

[2.1]. Về nguồn gốc đất: Các bên đều thống nhất phần đất có diện tích 4.391m^2, thuộc thửa số 530, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp Sò Đo, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA là của cụ Trần Văn Khì khai phá (cha của ông Trần Văn Cồng và ông Trần Văn Chà); Phía nguyên đơn cho rằng trước khi cụ Khì mất thì có chia cho các con mỗi người một phần, trong đó cụ Trần Văn Chà được cho thửa đất số 530 và một số thửa đất khác. Riêng ông Trần Văn Cồng là con Út về quê vợ sống, gia đình không cho đất nên vợ chồng ông Cồng và bà S tự tạo lập tài sản riêng. Đến năm năm 1949, cụ Chà chết để lại đất cho ông Trần Văn Đằng quản lý sử dụng đến năm 1990, ông Đằng được Ủy ban nhân dân huyện ĐH cấp giấy bìa trắng đối với phần đất này; đến năm 2000 thì được cấp đổi bìa trắng sang bìa đỏ.

Phía bị đơn thì cho rằng, lúc cụ Khì chết không để lại di chúc. Còn phần đất thì giao lại cho ông Cồng và bà Mai Thị S (mẹ của ông Nguyễn Văn H) quản lý, sử dụng. Đến năm 1990 thì bà S đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mẫu bìa trắng với diện tích 7.705m^2; Đến năm 2006 thì bà S được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu bìa đỏ đối với phần diện tích đất còn lại là 4.391m^2 thuộc thửa 530 đang tranh chấp.

[2.2]. Hồ sơ thể hiện:

- Phía nguyên đơn, bị đơn thì đều được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 530 đang tranh chấp.

- Theo Công văn số 3624/UBND-NC ngày 05/8/2016 của Ủy ban nhân dân huyện ĐH xác định: *"...trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mai Thị S năm 2006 với diện tích 4.391m^2 tại thửa số 530, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại thị trấn HN là không đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Bởi vì năm 2000, ông Trần Văn Đằng đã được Ủy ban nhân dân huyện ĐH cấp giấy đối với phần đất này. Còn việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Thanh R (con ông Đằng) năm 2010 tại thửa 530 nêu trên là đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định".*

- Theo công văn số 180/CV-UBND thị trấn Hậu Nghĩa ngày 28/4/2021 xác định: *"theo sổ mục kê ban hành theo quyết định số 499/QĐ-ĐC ngày 27/7/1995 của Tổng Cục địa chính mà UBND thị trấn HN quản lý tại thửa 530 tờ bản đồ số 2 do ông Trần Văn Đằng đứng tên trong sổ mục kê. Vì vậy, UBND huyện ĐH ban hành quyết định bồi thường thiệt hại cho bà S là không đúng, cần xác định đối tượng được bồi thường do có đất bị thu hồi là ông R".*

- Đối với chứng cứ phía ông H cung cấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa trắng số 0156, cấp cho bà Mai Thị S vào ngày 23/11/1991, do UBND tỉnh LA cấp. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 614/2019/DS-PT ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã hủy Bản án

dân sự sơ thẩm xét xử lần 1 để làm rõ chứng cứ này. Sau khi xét xử lại sơ thẩm, thì Tòa sơ thẩm cũng đã thu thập, xác minh thể hiện:

Tại Công văn 207/TTLTLS-NV ngày 19/11/2020 của Chi cục văn thư - Lưu trữ tỉnh LA xác định*: tài liệu hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S theo Quyết định số 300/QĐ.UB ngày 31/8/1990 của Ủy ban nhân dân huyện ĐH về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức và 727 hộ cá nhân và hồ sơ cấp giấy trắng của bà Mai Thị S cấp ngày 23/11/1991 hiện không lưu trữ tại kho của trung tâm lưu trữ lịch sử. Đồng thời tại Quyết định số 977/UB.QĐ.91 ngày 23/11/1991 của Ủy ban nhân dân tỉnh LA về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 374 cá nhân với diện tích là 568,64 ha trong tổng diện tích đất tự nhiên là 1.239,21 ha thuộc thị trấn HN, huyện ĐH thì danh sách kèm theo không có tên và số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Mai Thị S.*

Theo kết luận giám định số 1061/2020/KLGĐ ngày 19/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh LA thì "không đủ cơ sở kết luận" chữ ký trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa trắng số 0156 cấp cho bà Mai Thị S vào ngày 23/11/1991 có phải là chữ ký của ông "Trần Ngàn" Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LA.

[3]. Như vậy, từ những phân tích nêu ở mục [2] có căn cứ xác định việc UBND cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mai Thị S năm 2006 với diện tích 4.391m^2 tại thửa số 530, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại thị trấn HN là không đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Do đó, việc ban hành Quyết định thu hồi, bồi thường thiệt hại cho bà S là không đúng đối tượng. Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, do ông H là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

[5]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh LA.

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Trần Thúy D, chị Trần Cẩm V, anh Trần Trọng N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 6635/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 của Ủy ban nhân dân huyện ĐH về việc thu hồi một phần thửa đất số 530 của bà Mai Thị S.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Trần Thúy D, chị Trần Cẩm V, anh Trần Trọng N yêu cầu công nhận cho bà D, anh N, chị V phần đất còn lại sau khi bị thu hồi của thửa 530.

2/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Trần Thúy D, chị Trần Cẩm V, anh Trần Trọng N đối với ông Nguyễn Văn H.

2.1/. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 443596 ngày 13/4/2006 của Ủy ban nhân dân huyện ĐH cấp cho bà Mai Thị S đối với diện tích đất còn lại của thửa đất 530 (sau khi trừ diện tích 1.301m^2 đã bị thu hồi theo Quyết định số 6635/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 của UBND huyện ĐH về việc thu hồi một phần thửa đất số 530 của bà Mai Thị S), tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp Sò Đo, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA.

2.2/. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện ĐH thu hồi một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 062848 ngày 25/3/2010 của Ủy ban nhân dân huyện ĐH cấp cho ông Trần Thanh R với diện tích 1.301m^2 đã bị thu hồi (theo Quyết định số 6635/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 của UBND huyện ĐH về việc thu hồi đất đối với bà Mai Thị S) tại một phần thửa 530, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp Sò Đo, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA.

2.3/. Những người thừa kế của ông Trần Thanh R gồm bà Trương Trần Thúy D, chị Trần Cẩm V, anh Trần Trọng N có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được quyền tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại 3.090m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (diện tích đo đạc thực tế là 2.428,3m^2 Theo Mảnh Trích đo bản đồ địa chính số 649-2017 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 15/9/2017 và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 26/10/2017).

2.4/. Hủy Quyết định số 8826/QĐ-UBND ngày 06/11/2012 của Ủy ban nhân dân huyện ĐH về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản cho bà Mai Thị S.

2.5/. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện ĐH ra quyết định bồi thường cho những người thừa kế của ông Trần Thanh R gồm bà Trương Trần Thúy D, chị Trần Cẩm V, anh Trần Trọng N với số tiền 292.039.800đồng (hai trăm chín mươi hai triệu, không trăm ba mươi chín ngàn tám trăm đồng).

2.6/. Bà Trương Trần Thúy D, chị Trần Cẩm V, anh Trần Trọng N có quyền liên hệ Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện ĐH và các cơ quan liên quan để nhận số tiền bồi thường 292.039.800đồng (hai trăm chín mươi hai triệu, không trăm ba mươi chín ngàn, tám trăm đồng) và khoản tiền lãi phát sinh (nếu có).

3/. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

4/. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh LA;
- VKSND tỉnh LA;
- Cục THADS tỉnh LA;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 24bTNB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chung Văn Kết